TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày 20/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Hồ Sĩ Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 355/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐĂNG K, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 6 đường C, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở trước khi bị bắt: 30 đường D, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; Mẹ: Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1966; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 25 tháng 7 năm 2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố V (có mặt).

Bị hại:

1. Anh Phan Hữu H, sinh năm 1990; Địa chỉ: A chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Anh Vũ Thanh T, sinh năm 2001; Địa chỉ: số G đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đăng K1 là nhân viên lễ tân của khách sạn M- địa chỉ số I đường T, Phường A, thành phố V do anh Phan Hữu H (sinh năm 1990; trú tại: A chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) làm chủ. Quá trình làm việc

tại đây, K1 được giao nhiệm vụ bố trí phòng cho khách lưu trú và thu tiền của khách trong ca trực của mình. Ngày 19/7/2023, K1 được phân công trực từ 20 giờ 00 ngày 19/7/2023 đến 06 giờ 00 ngày 20/7/2023. Trong khoảng thời gian này, do cần tiền để giải quyết việc cá nhân nên khoảng 04 giờ 00 ngày 20/7/2023, K1 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của khách sạn. Để tránh sự phát hiện của chủ khách sạn, K1 đã bẻ hai mắt quan của camera được gắn tại khách sạn (một camera chiếu thẳng vào quầy lễ tân; một camera chiếu vào sảnh khách sạn) và lấy đi hai thiết bị lưu trữ dữ liệu camera, tiếp đó K1 đã lấy toàn bộ số tiền 17.059.000 đồng (Mười bảy triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng) của khách sạn được để tại quầy lễ tân và mang về nhà để cất giấu. Trên đường đem số tiền trên về nhà, khi đi đến tuyến đường N, thành phố V thì K1 vứt bỏ hai mắt quan của camera trước đó đã bẻ và hai thiết bị lưu trữ dữ liệu camera của khách sạn (hiện không nhớ rõ địa chỉ nơi vứt bỏ). Sau đó, K1 tiếp tục di chuyển về nhà tại địa chỉ số C đường D, Phường H, thành phố V để cất giấu số tiền đã chiếm đoạt của anh H rồi quay lại khách sạn để tiếp tục ca trực của mình, đồng thời, thông báo cho anh H về việc bị cướp toàn bộ số tiền 17.059.000đ (Mười bảy triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng) trong ca trực của K1.

Tiếp đó, sau khi hết ca làm việc, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/7/2023, K1 bàn giao sổ sách và số tiền 2.575.000 đồng - là tiền thu chi trong ca trực với lễ tân ca tiếp theo là anh Vũ Thanh T (sinh năm 2001; trú tại: số G đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Tuy nhiên, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên K1 đã nói dối với anh T rằng K1 ứng số tiền 2.000.000đ (bằng chữ: Hai triệu đồng) của khách sạn và K1 sẽ báo lại với anh H (nhưng thực tế K1 hoàn toàn không báo với anh H về việc ứng lương), do anh T tin tưởng nên đã giao cho K1 số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Sau khi nhận được số tiền nêu trên từ T thì K1 đã điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-338.21 của khách sạn về nhà trọ. Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 23/7/2023 anh H có đến khách sạn để kiểm tra sổ sách thu chi thì được anh T báo lại việc K1 đã lấy số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), anh H có liên lạc với K1 nhiều lần để yêu cầu K1 hoàn trả lại tài sản nhưng không liên lạc được nên đã đến cơ quan Công an để trình báo toàn bộ sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 123/KL ngày 16/8/2023 của H3 kết luận: hai camera IPKB, một đầu ghi IP 16 kênh Vison KX và một đầu ghi hình K2 16 kênh có tổng giá trị là 9.700.000đ (Chín triệu, bảy trăm ngàn đồng) (Bút lục từ 38 đến 39).

Tại cơ quan Công an, Nguyễn Đăng K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên (Bút lục điều tra từ số 75 đến số113).

* Việc thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe máy hiệu Yamaha, biển số 63B1-338.21, số khung: RLCE55P10CY115722, số máy: 55P1115733. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của anh Phạm Thanh P (địa chỉ: đường B, KP7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), anh P cho anh Phan Hữu H mượn để làm phương tiện đi lại tại khách sạn. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại chiếc xe trên cho chủ sỡ hữu là anh Phạm Thanh P.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Vũ Thanh T không yêu cầu bồi thường.

- Anh Phan Hữu H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đăng K1 có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 35.207.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn đồng).

* Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-338.21 là do anh Phan Hữu H cho Nguyễn Đăng K1 mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại trong suốt quá trình K1 làm việc tại khách sạn, nên có thể thấy anh H đã giao quyền sử dụng và quản lý chiếc xe này cho Khoa; ngày 23/7/2023, sau khi lừa anh Vũ Thanh T để lấy số tiền 2.000.000 đồng, K1 đã sử dụng xe này để di chuyển về nhà, sau đó không có hành vi tiêu thụ chiếc xe trên, cũng không có hành vi bỏ trốn; nên không có cơ sở xác định K1 có mục đích chiếm đoạt chiếc xe của anh H. Do đó, không có cơ sở xác định K1 có hành vi "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-338.21 (BL: 118-125).

* Quá trình làm việc ban đầu, K1 khai nhận sau khi chiếm đoạt số tiền 17.059.000 đồng, K1 đã đưa số tiền này cho một người tên Nguyễn Minh H1 ở TP .; tuy nhiên sau đó K1 xác định lời khai đó không đúng sự thật, mà bản thân K1 đã sử dụng hết số tiền trên, không đưa cho người nào khác.

* Ngoài ra, khi làm việc tại công an P1, thành phố V, K1 khai nhận ngày 09/6/2023 có một đoàn khách đến từ Vĩnh Phúc đến thuê phòng với số tiền 20.000.000 đồng (ở trong thời gian khoảng 2 tuần), khách có đề cập Khoa xuất hóa đơn 25.200.000 đồng nên K1 liên hệ với công ty TNHH B để làm hợp đồng thuê phòng với số tiền 25.200.000 đồng; công ty B đã nhận được số tiền 25.200.000 đồng sau khi K1 hoàn tất thủ tục kho bạc; sau đó công ty Biển N chuyển vào tài khoản của K1 số tiền 22.781.000 đồng để K1 rút ra đưa lại cho đoàn khách. Tuy nhiên, sau khi rút tiền K1 không đưa lại cho khách mà tiêu xài hết. Quá trình điều tra, kiểm tra danh sách khách đặt phòng tại khách sạn của anh H thì xác định vào ngày 09/6/2023 không có đoàn khách đến từ Vĩnh Phúc như Khoa khai báo. Mặt khác, khi làm việc với bà Đào Thị Thục Q- sinh năm 1988; trú tại G đường C, phường A, thành phố V- Phó Giám đốc công ty TNHH B- địa chỉ 18 đường M, phường H, thành phố V, bà Q xác định công ty không ký hợp đồng để xuất hóa đơn số tiền 25.300.000 đồng với người nào; hiện nay K1 cũng khai không chiếm đoạt số tiền này; qua kiểm tra tài khoản của công ty B và tài khoản của K1 vào tháng 6, tháng 7/2023 đều không có giao dịch nào liên quan đến số tiền nêu trên. Do đó, không có cơ sở xác định công ty B có hành vi mua bán hóa đơn, cũng không có cơ sở xác định K1 có hành vi chiếm đoạt số tiền 22.781.000 đồng như khai báo ban đầu (BL: 163-172).

* Nguyễn Đăng K1 còn khai vào thời gian năm 2022, K1 làm việc cho công ty TNHH D ở địa chỉ H đường T, phường E, thành phố V và đã chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng của công ty D. Tuy nhiên, qua làm việc với ông Phạm Văn H2- Phó ban quản lý Tòa nhà Thủy T1 cho biết công ty không có ai tên Nguyễn Đăng K1 và cũng không bị thiệt hại số tiền nói trên. Do đó, không có căn cứ xử lý Khoa đối với số tiền này (BL: 162).

Bản cáo trạng số 344/CT-VKSVT ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K1 về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội "*Hủy hoại tài sản*" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "*Hủy hoại tài sản*"

Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của ba tội danh đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên đề xuất không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Tại tòa, bị cáo hoàn toàn thống nhất và đồng ý theo yêu cầu của anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Hữu H số tiền 35.207.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm lẽ bảy ngàn đồng).

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát. Không có ý kiến tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập bị hại là anh Vũ Thanh T và anh Phan Hữu H tham gia phiên tòa nhưng bị hại vắng mặt, đã có lời khai của những người tham gia tố tụng này trong hồ sơ vụ án. Nên việc vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh T và

anh H.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Nguyễn Đăng K1 là quản lý của khách sạn M số 09 đường T, phường A, thành phố V do anh Phan Hữu H làm chủ khách sạn. Lợi dụng việc được anh H giao quản lý tiền trong ca trực lễ tân, ngày 20/7/2023 Nguyễn Đăng K1 đã thực hiện 01 vụ "*Hủy hoại tài sản*" và 01 vụ "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Đến ngày 23/7/2023, K1 tiếp tục thực hiện 01 vụ *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" tại khách sạn của anh H.

Đánh giá từng hành vi phạm tội cụ thể như sau:

* Hành vi "*Hủy hoại tài sản*" và "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*":

Ngày 20/7/2023, trong ca trực của mình tại khách sạn M, Nguyễn Đăng K1 có hành vi bẻ hai camera IPKB, một đầu ghi IP 16 kênh Vison KX và một đầu ghi hình KB Vision Analog 16 kênh của khách sạn để chiếm đoạt số tiền 17.059.000đ (mười bảy triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) trong quầy lễ tân và tiêu xài cá nhân hết số tiền này, không còn khả năng trả lại tài sản cho anh H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 123/KL ngày 16/8/2023 của H3 kết luận: hai camera IPKB, một đầu ghi IP 16 kênh Vison KX và một đầu ghi hình K2 16 kênh có tổng giá trị là 9.700.000đ (Chín triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đăng K1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại tài sản*" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự và tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

* Đối với hành vi *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*":

Ngày 23/7/2023, K1 bàn giao sổ sách và số tiền 2.575.000 đồng - là tiền thu chi trong ca trực với lễ tân ca tiếp theo là anh Vũ Thanh T. Tuy nhiên, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên K1 đã nói dối với anh T rằng K1 ứng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của khách sạn và K1 sẽ báo lại với anh H (nhưng thực tế K1 hoàn toàn không báo với anh H về việc ứng lương), do anh T tin tưởng nên đã giao cho K1 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Hành vi của Nguyễn Đăng K1 thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

* Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-338.21 là do anh Phan Hữu H cho Nguyễn Đăng K1 mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại trong suốt quá trình K1 làm việc tại khách sạn, nên có thể thấy anh H đã giao quyền sử dụng và quản lý chiếc xe này cho Khoa; ngày 23/7/2023, sau khi lừa dối anh Vũ Thanh T để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng, K1 đã sử dụng xe này để di chuyển về nhà, sau đó không có hành vi tiêu thụ chiếc xe trên, cũng không có

hành vi bỏ trốn; nên không có cơ sở xác định K1 có mục đích chiếm đoạt chiếc xe của anh H. Do đó, không có cơ sở xác định K1 có hành vi "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 63B1-338.21.

* Quá trình làm việc ban đầu, K1 khai nhận sau khi chiếm đoạt số tiền 17.059.000 đồng, K1 đã đưa số tiền này cho một người tên Nguyễn Minh H1 ở TP .. Tuy nhiên, tại phiên tòa Khoa xác định lời khai đó không đúng sự thật, mà bản thân K1 đã sử dụng hết số tiền trên, không đưa cho người nào khác.

* Ngoài ra, khi làm việc tại công an phường P1, thành phố V, K1 khai nhận ngày 09/6/2023 có một đoàn khách đến từ Vĩnh Phúc đến thuê phòng với số tiền 20.000.000 đồng (ở trong thời gian khoảng 2 tuần), khách có đề cập Khoa xuất hóa đơn 25.200.000 đồng nên K1 liên hệ với công ty TNHH B để làm hợp đồng thuê phòng với số tiền 25.200.000 đồng; công ty B đã nhận được số tiền 25.200.000 đồng sau khi K1 hoàn tất thủ tục kho bạc; sau đó công ty Biển N chuyển vào tài khoản của K1 số tiền 22.781.000 đồng để K1 rút ra đưa lại cho đoàn khách. Tuy nhiên, sau khi rút tiền K1 không đưa lại cho khách mà tiêu xài hết. Quá trình điều tra, kiểm tra danh sách khách đặt phòng tại khách sạn của anh H thì xác định vào ngày 09/6/2023 không có đoàn khách đến từ Vĩnh Phúc như Khoa khai báo. Mặt khác, khi làm việc với bà Đào Thị Thục Q- sinh năm 1988; trú tại G đường C, phường A, thành phố V- Phó Giám đốc công ty TNHH B- địa chỉ 18 đường M, phường H, thành phố V, bà Q xác định công ty không ký hợp đồng để xuất hóa đơn số tiền 25.300.000 đồng với người nào; hiện nay K1 cũng khai không chiếm đoạt số tiền này; qua kiểm tra tài khoản của công ty B và tài khoản của K1 vào tháng 6, tháng 7/2023 đều không có giao dịch nào liên quan đến số tiền nêu trên. Do đó, không có cơ sở xác định công ty B có hành vi mua bán hóa đơn, cũng không có cơ sở xác định K1 có hành vi chiếm đoạt số tiền 22.781.000 đồng như khai báo ban đầu (BL: 163-172).

* Nguyễn Đăng K1 còn khai vào thời gian năm 2022, K1 làm việc cho công ty TNHH D ở địa chỉ H đường T, phường E, thành phố V và đã chiếm đoạt số tiền 13.000.000 đồng của công ty D. Tuy nhiên, qua làm việc với ông Phạm Văn H2- Phó ban quản lý Tòa nhà Thủy T1 cho biết công ty không có ai tên Nguyễn Đăng K1 và cũng không bị thiệt hại số tiền nói trên. Tại phiên tòa, bị cáo xác định do nhớ nhầm nên mới khai báo như vậy, thực tế bị cáo không chiếm đoạt số tiền nào của Công ty này. Do đó, không có căn cứ xử lý bị cáo đối với số tiền trên.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, bất an cho xã hội. Bản thân bị cáo là người thành niên, đủ năng lực nhận thức, nhưng do lười lao động nên cố ý phạm tội. Trong một thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện ba hành vi phạm tội. Do đó, cần tuyên một hình phạt tương xứng, phù hợp với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đã giải quyết xong, không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Hữu H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.207.000 đồng; tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Nên ghi nhận và buộc bị cáo Nguyễn Đăng K1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Hữu H số tiền 35.207.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Anh Vũ Thanh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đăng K1 phạm tội "*Hủy hoại tài sản*", tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đăng K1 06 (sáu) tháng tù về tội "*Hủy hoại tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đăng K1 12 (mười hai) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đăng K1 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của ba tội danh trên buộc bị cáo phải chấp hành là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận và buộc bị cáo Nguyễn Đăng K1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Phan Hữu H số tiền 35.207.000đ (Ba mươi lăm triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Vật chứng: Đã giải quyết xong, không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.760.000đ (một triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh BR–VT (PV06, PC10);
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thường